Bài 42: THỰC HÀNH

**QUAN SÁT BỘ XƯƠNG, MẪU MỔ CHIM BỒ CÂU**

***1. Quan sát bộ xương của chim bồ câu: h42.1 trang 138 SGK***

**Bộ xương gồm:**

- Xương đầu

- Xương thân: cột sống, lồng ngực

- Xương chi: Xương đai, các xương chi

\* **Các đặc điểm bộ xương thích nghi với đời sống bay:**

- Chi trước biến đổi thành cánh

- Xương mỏ ác phát triển là nơi bám của cơ ngực vận động cánh

- Các đốt sống lưng, đốt sống hông gắn chặt với xương đai hông làm thành một khối vững chắc.

- Nhẹ, xốp, mỏng.

***2. Quan sát các nội quan trên mẫu mổ: h42.1 trang 139 SGK***

***Hoàn thành bảng trang 139***

|  |  |
| --- | --- |
| **Các hệ cơ quan** | **Các thành phần cấu tạo trong hệ** |
| - Tiêu hóa | 1-> 7,14 |
| - Hô hấp | 10,11 |
| - Tuần hoàn | 8,9,12 |
| - Bài tiết | 13 |

***Hệ tiêu hóa, tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết ở chim bồ câu có gì khác so với những động vật có xương sống đã học:***

* Thực quản có diều.
* Dạ dày có dạ dày tuyến và dạ dày cơ là mề.

**Hướng dẫn và dặn dò**

* TÌm hiểu đời sống các loài chim và sưu tầm tranh ảnh về các loài chim.

**----------------------------------------------------------------------------------------------------**

**Bài 43: CẤU TẠO TRONG CỦA CHIM BỒ CÂU**

**I. Các cơ quan dinh dưỡng**

***1. Tiêu hóa***

- Ống tiêu hóa phân hóa, chuyên hóa với chức năng

- Tốc độ tiêu hóa cao

***2. Hệ tuần hoàn***

- Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn

- Máu nuôi cơ thể giàu oxi (máu đỏ tươi)

***3. Hô hấp***

- Phổi có mạng ống khí

- 1 số ống khí thông với túi khí -> bề mặt trao đổi khí rộng

- Trao đổi khí:

+ Khi bay - do túi khí

+ Khi đậu - do phổi

***4. Bài tiết và sinh dục***

**a. - Bài tiết**

+ Thận sau

+ Không có bóng đái

+ Nước tiểu thải ra ngoài cùng phân

**b.- Sinh dục:**

+ Con đực: 1 đôi tinh hoàn

+ Con cái: buồng trứng trái phát triển

+ Thụ tinh trong

**II. Thần kinh và giác quan**

- Bộ não phát triển

+ Não trước lớn

+ Tiểu não có nhiều nếp nhăn

+ Não giữa có 2 thùy thị giác

- Giác quan:

+ Mắt tinh có mí thứ 3 mỏng

+ Tai: có ống tai ngoài

**Hướng dẫn và dặn dò**

- Học bài trả lời câu hỏi sgk, mục

- So sánh bộ não chim với bò sát

- Sưu tầm tranh, ảnh một số đại diện lớp chim

--------------------------------------------------------------------------------------------------

Bài 44: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG

CỦA LỚP CHIM

**I. Các nhóm chim**

- Lớp chim rất đa dạng: Số loài nhiều, chia làm 3 nhóm: Chim chạy, Chim bơi, Chim bay(gồm hầu hết các loài chim hiện nay).

- Các loài chim có lối sống và môi trường sống phong phú.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chim** | **Đại diện** | **Môi trường sống** | **Đặc điểm cấu tạo** | | | |
| **Cánh** | **Cơ ngực** | **Chân** | **Ngón** |
| Chạy | Đà điểu | Thảo nguyên, sa mạc | Ngắn, yếu | Không phát triển | Cao, to, khỏe | 2->3 ngón |
| Bơi | Chim cánh cụt | Biển | Dài, khỏe | Rất phát triển | Ngắn | 4 ngón, có màng bơi |
| Bay | Chim ưng | Núi đá | Dài, khỏe | Phát triển | To có vuốt cong | 4 ngón |

# II. Đặc điểm chung của chim

- Mình có lông vũ bao phủ

- Chi trước biến đổi thành cánh

- Mỏ có sừng

- Phổi có mạng ống khí, có túi khí tham gia hô hấp

- Tim 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể

- Trứng có vỏ đá vôi, được ấp nở ra con nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ

- Là động vật hằng nhiệt

**III. Vai trò của chim**

- Lợi ích:

+ ăn sâu bọ và động vật gặm nhấm

+ Cung cấp thực phẩm

+ Làm chăn, đệm, đồ trang trí, làm cảnh

+ Huấn luyện để săn mồi, phục vụ du lịch

+ Giúp phán tán cây rừng

- Có hại:

+ Ăn hạt, quả, cá ...

+ Là động vật trung gian truyền bệnh

**Hướng dẫn và dặn dò**

- Học bài trả lời câu hỏi sgk, MỤC TRANG 143

- Đọc "mục em có biết"

- Ôn lại kiến thức lớp chim

----------------------------------------------------------------------------------------------------

Bài 45: THỰC HÀNH:

XEM BĂNG HÌNH VỀ ĐỜI SỐNG VÀ TẬP TÍNH CỦA CHIM

1. ***Sự di chuyển:***

* Bay bay vỗ cánh
* Bay lượn
* Các kiểu di chuyển khác: leo trèo, đi và chạy, bơi

1. ***Kiếm ăn:***

* Nhóm ăn tạp
* Nhóm ăn chuyên:

+ Nhóm ăn thịt

+ Nhóm ăn xác chết

+ Nhóm ăn hạt và quả

1. ***Sinh sản:***

Khoe mẽ, giao phối, làm tổ, đẻ trứng, ấp trứng, nuôi con.

**LỚP THÚ (LỚP CÓ VÚ)**

**Bài 46: THỎ**

**I. Đời sống của thỏ**

- Thỏ sống đào hang lẩn trốn kẻ thù bằng cách nhảy cả hai chân sau.

- Ăn cỏ, lá cây bằng cách gặm nhấm, kiếm ăn về chiều.

- Thỏ là động vật hằng nhiệt.

- Sinh sản:

+ Thụ tinh trong.

+ Thai phát triển trong tử cung của thỏ mẹ.

+ Có nhau thai -> gọi là hiện tượng thai sinh.

+ Con non yếu được nuôi bằng sữa mẹ.

**II. Cấu tạo ngoài và sự di chuyển**

***1. Đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với tập tính lẩn trốn kẻ thù:***

Học bảng SGK

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bộ phận cơ thể** | **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | **Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù** |
| Bộ lông | Bộ lông mao dày xốp | Giữ nhiệt, bảo vệ thỏ khi ẩn trong bụi rậm |
| Chi (có vuốt) | Chi trước ngắn | Đào hang, di chuyển |
| Chi sau dài khoẻ | Bật nhảy xa -> chạy trốn nhanh |
| Giác quan | Mũi thính, lông xúc giác nhạy | Thăm dò thức ăn và môi trường, phát hiện kẻ thù |
| Tai thính có vành tai lớn,cử động | Định hướng âm thanh phát hiện sớm kẻ thù |
| Mắt có mí cử động được | Giữ mắt không bị khô,bảo vệ khi thỏ trốn trong bụi gai rậm |

# *2. Di chuyển*

Sự di chuyển:Thỏ di chuyển bằng cách nhảy đồng thời 2 chân, chạy theo hình chữ Z.

**Hướng dẫn và dặn dò**

- Học bài trả lời câu hỏi SGK

- Đọc mục "em có biết"

- Xem lại cấu tạo bộ xương thằn lằn.